

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 122/NQ-HĐND

*Phú Yên, ngày 27 tháng 9 năm 2018*

**NGHỊ QUYẾT**

**Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phát triển ngành Y tế tỉnh Phú Yên  
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch ngành; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu; Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 163/2015/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 18/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phát triển ngành y tế tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phát triển ngành Y tế tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung kèm theo.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27 tháng 9 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Tấn Việt**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH PHÚ YÊN                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ**  
**QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH Y TẾ TỈNH PHÚ YÊN**  
**ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 122/NQ-HĐND*  
*ngày 27/9/2018 của HĐND tỉnh)*

**I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA QUY HOẠCH**

**1. Quan điểm**

Cơ bản giữ nguyên Quy hoạch phát triển ngành y tế tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt tại quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 07/11/2014, chỉ điều chỉnh lại phần định hướng phát triển ngành y tế để đảm bảo tính thống nhất giữa quy hoạch tổ chức bộ máy y tế toàn tỉnh với quy hoạch đầu tư xây dựng mạng lưới cơ sở y tế toàn tỉnh.

**2. Mục tiêu tổng quát**

*Phát triển hệ thống y tế tỉnh Phú Yên theo hướng công bằng, hiệu quả, phát triển và phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa phương nhằm bảo đảm người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Người dân được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, nâng cao chất lượng dân số góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của địa phương.*

**3. Phạm vi điều chỉnh**

Quy hoạch chỉ điều chỉnh cục bộ, bổ sung phần định hướng quy hoạch phát triển hệ thống y tế của dự án "*Hiệu chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển ngành y tế tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 07/11/2014*" để đảm bảo tính thống nhất giữa quy hoạch tổ chức bộ máy y tế toàn tỉnh với quy hoạch đầu tư xây dựng mạng lưới cơ sở y tế toàn tỉnh theo Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của liên Bộ Y tế - Bộ Nội vụ "*V/v hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh*" và các Nghị quyết số 18, 19, 20, 21 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

**II. CHỈ TIÊU ĐIỀU CHỈNH CỤ THỂ**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
1	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	73,9	75	75,5

2	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	91	95	98
3	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng	%	> 95 (10 loại vắc xin)	> 95 (12 loại vắc xin)	> 95 (15 loại vắc xin)
4	Giảm tỷ suất tử vong trẻ em	‰			
-	Dưới 5 tuổi	‰	<14	<12	<10
-	Dưới 1 tuổi	‰	<10	<10	<8
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi	%	<24	<20	<15
6	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	>85	>90	>95
7	Tỷ lệ trạm y tế xã thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm	%	90	100	100
8	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	26	30	32
9	Số bác sĩ/vạn dân	Bác sĩ	8	10	11
10	Tỷ lệ giường bệnh tư nhân	%	5	10	15
11	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	>80	>80	>90

### III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

#### 1. Điều chỉnh định hướng phát triển hệ thống y tế

**1.1. Điều chỉnh đưa ra khỏi quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định 1827/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 đối với các nội dung không còn phù hợp với thực tiễn:**

a) Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế; Trung tâm Sức khỏe lao động và Môi trường tỉnh; Trung tâm Răng Hàm Mặt; Trung tâm Phòng, chống bệnh nội tiết.

b) Các bệnh viện: đa khoa khu vực Tuy An; đa khoa khu vực Sơn Hòa; đa khoa khu vực Phú Lâm.

**1.2. Rà soát điều chỉnh, bổ sung các nội dung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong giai đoạn 2018 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030:**

a) Kiện toàn các cơ quan quản lý hành chính:

- Giải thể Chi cục Dân số - KHHGD và thành lập 01 phòng chuyên môn mới có chức năng, nhiệm vụ của chi cục này thuộc Sở Y tế.

- Giải thể phòng Quản lý hành nghề Y Dược tư nhân và bổ sung chức năng, nhiệm vụ quản lý y dược tư nhân cho phòng Nghiệp vụ Y và phòng Nghiệp vụ Dược thuộc Sở Y tế.

b) củng cố và phát triển mạng lưới y tế dự phòng:

- Tiếp tục nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng từ tỉnh đến cơ sở; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực cho y tế dự phòng tuyến

huyện, thị xã, thành phố. Triển khai có hiệu quả công tác dự phòng, quản lý và điều trị một số bệnh không lây nhiễm.

- Thành lập mới "**Trung tâm Kiểm soát bệnh, tật tỉnh Phú Yên**" trên cơ sở hợp nhất các đơn vị: Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh; Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS; Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe và một số đơn vị y tế khác có cùng chức năng, nhiệm vụ.

- Tạo điều kiện, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký thành lập các cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn và truyền thông giáo dục sức khỏe.

c) Kiện toàn hệ thống khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng:

- Thành lập mới **Trung tâm Cấp cứu 115** (giai đoạn đến năm 2020 hoạt động lồng ghép tại Bệnh viện đa khoa tỉnh; sau năm 2020 xây dựng cơ sở mới tại khu đất phía Tây của Văn phòng Sở Y tế).

- Đầu tư phát triển hệ thống hỗ trợ chẩn đoán và điều trị từ xa (Tele-Medicine) tại Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi và các đơn vị y tế khác có đủ điều kiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế (quy định tại Thông tư số 49/2017/TT-BYT ngày 28/12/2017 quy định về hoạt động y tế từ xa); thực hiện kết nối với các bệnh viện tuyến trên để nâng cao hiệu quả chẩn đoán và điều trị các ca bệnh phức tạp tại tỉnh.

- Duy trì và đầu tư nâng cấp, mở rộng các cơ sở y tế tuyến tỉnh và tuyến huyện, cụ thể:

**\* Tuyến tỉnh:**

**(1) Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên:** đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng I trước năm 2020 và tăng quy mô giường bệnh điều trị nội trú đạt 800 giường vào năm 2020 và 1000 giường bệnh điều trị nội trú vào năm 2030.

**(2) Bệnh viện Sản Nhi:** đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng I vào trước năm 2025 và quy mô 400 giường bệnh điều trị nội trú vào năm 2020 và đạt 500 giường bệnh điều trị nội trú vào năm 2030.

**(3) Bệnh viện Y học cổ truyền:** đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II trong giai đoạn 2025 - 2030, quy mô 250 giường bệnh vào năm 2020 và đạt 300 giường bệnh vào năm 2030.

**(4) Bệnh viện Phục hồi chức năng:** đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II trong giai đoạn 2025 - 2030, quy mô 200 giường bệnh điều trị nội trú vào năm 2020 và đạt 300 giường bệnh điều trị nội trú vào năm 2030.

**\* Tuyến huyện:**

**(1) Trung tâm Y tế thành phố Tuy Hòa:** tăng quy mô giường bệnh điều trị nội trú lên 150 giường giai đoạn 2020 - 2030.

**(2) Trung tâm Y tế huyện Phú Hòa:** tăng quy mô giường bệnh điều trị nội trú lên 150 giường giai đoạn 2020 - 2030.

**(3) Trung tâm Y tế huyện Đông Hòa:** trong giai đoạn hiện nay tiếp tục sử dụng cơ sở cũ để triển khai công tác khám, chữa bệnh với quy mô 100 giường bệnh

điều trị nội trú vào năm 2020. Dự kiến sau năm 2020 lập dự án xây dựng mới cơ sở Trung tâm Y tế huyện Đông Hòa tại thị trấn Hòa Vinh với quy mô 300 giường bệnh điều trị nội trú.

Đối với cơ sở cũ hiện nay, ngành Y tế xem xét bố trí cho các đơn vị y tế đã được duyệt trong quy hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện dự án đầu tư như: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, Bệnh viện Tâm thần...

**(4) Trung tâm Y tế huyện Tây Hòa:** tăng quy mô giường bệnh điều trị nội trú lên 200 giường đến năm 2020 và đạt 300 giường bệnh điều trị nội trú vào năm 2030.

**(5) Trung tâm Y tế huyện Tuy An:** tăng quy mô giường bệnh điều trị nội trú lên 200 giường đến năm 2020 và đạt 300 giường bệnh điều trị nội trú vào năm 2030.

**(6) Trung tâm Y tế thị xã Sông Cầu:** tăng quy mô giường bệnh điều trị nội trú lên 200 giường đến năm 2020 và đạt 250 giường bệnh điều trị nội trú vào năm 2030.

Thành lập mới Cơ sở 2 của Trung tâm Y tế thị xã Sông Cầu tại xã Xuân Bình với quy mô 50 giường bệnh điều trị nội trú vào cuối năm 2020 để bảo đảm công tác khám chữa bệnh cho Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu và 3 xã: Xuân Bình, Xuân Hải, Xuân Lộc.

**(7) Trung tâm Y tế huyện Đông Xuân:** tăng quy mô giường bệnh điều trị nội trú lên 200 giường đến năm 2020 và đạt 300 giường bệnh điều trị nội trú vào năm 2030.

**(8) Trung tâm Y tế huyện Sơn Hòa:** tăng quy mô giường bệnh điều trị nội trú lên 200 giường đến năm 2020 và đạt 300 giường bệnh điều trị nội trú vào năm 2030.

**(9) Trung tâm Y tế huyện Sông Hinh:** tăng quy mô giường bệnh điều trị nội trú lên 100 giường đến năm 2020 và đạt 150 giường bệnh điều trị nội trú vào năm 2030.

d) Củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở:

Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới” theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

e) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về dược, trang thiết bị y tế, mỹ phẩm, thực phẩm và công tác kiểm nghiệm:

- Phát triển hệ thống phân phối thuốc chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu theo các tiêu chuẩn GSP, GDP, GPP.

- Ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào nghiên cứu phát triển các thuốc đặc trị thay thế hàng ngoại nhập, đặc biệt là các loại thuốc điều trị các bệnh ung thư, tim mạch, tiểu đường,...

- Đổi mới công nghệ và năng lực quản trị, từng bước áp dụng tiêu chuẩn GMP-PICs cho các dây chuyền sản xuất.

- Bảo tồn và phát triển nguồn nguyên liệu từ dược liệu thích hợp với điều kiện thổ nhưỡng tại địa phương.

- Đầu tư nâng cấp labo xét nghiệm tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm đạt tiêu chuẩn GLP - an toàn sinh học cấp 2 trở lên.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy và bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm phát triển thành Trung tâm kiểm soát dược phẩm, thực phẩm và thiết bị y tế.

## **2. Điều chỉnh các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư**

Rà soát, điều chỉnh lại danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư cho phù hợp với Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ; Kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện các Nghị quyết 18, 19, 20, 21 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII và các văn bản pháp quy của Chính phủ, các Bộ, Ngành Trung ương và địa phương.

### **2.1. Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số:**

- Dự án 1- Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến.

- Dự án 2 - Tiêm chủng mở rộng.

- Dự án 3 - Dân số và phát triển.

- Dự án 4 - An toàn thực phẩm.

- Dự án 5 - Phòng, chống HIV/AIDS

- Dự án 6 - Bảo đảm máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học.

- Dự án 7 - Quân dân y kết hợp.

- Dự án 8 - Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế.

### **2.2. Các dự án ưu tiên:**

(1) Đầu tư xây dựng mới Trung tâm Kiểm soát bệnh, tật tỉnh Phú Yên.

(2) Đầu tư, nâng cấp hoặc xây dựng mới Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Yên.

(3) Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên.

(4) Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Phú Yên

(5) Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên.

(6) Đầu tư xây dựng mới Trung tâm vận chuyển cấp cứu 115.

(7) Đầu tư xây dựng mới Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

(8) Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Phú Yên.

(9) Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Tâm thần tỉnh Phú Yên.

(10) Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Da liễu thành Bệnh viện Phong - Da liễu tỉnh Phú Yên.

(11) Đầu tư xây dựng mới cơ sở Trung tâm Y tế huyện Đông Hòa.

(12) Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Yên.

(13) Đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 thuộc Trung tâm Y tế thị xã Sông Cầu.

(14) Nâng cấp, cải tạo, bổ sung nhiệm vụ cho Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm để hình thành Trung tâm kiểm soát dược phẩm và thực phẩm, thiết bị y tế.

(15) Đầu tư xây dựng mới cơ sở Trung tâm Pháp Y.

(16) Đầu tư xây dựng mới cơ sở Trung tâm Giám định Y khoa.

(17) Đầu tư các Trạm y tế xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

(18) Đầu tư tăng cường trang thiết bị y tế hiện đại cho các cơ sở y tế.

(19) Đầu tư xây dựng Bệnh viện Quân - Dân y.

- Các dự án khác.

### **3. Điều chỉnh dự báo nhu cầu vốn đầu tư**

- Dự báo tổng nhu cầu vốn đầu tư để nâng cấp và phát triển các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 là: **5.909 tỷ đồng**, chia làm 02 giai đoạn:

+ Giai đoạn từ nay đến năm 2020: 1.166 tỷ đồng;

+ Giai đoạn 2021 đến năm 2030: 4.743 tỷ đồng.

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư bao gồm:

+ Vốn ngân sách Trung ương: 278 tỷ đồng;

+ Vốn ngân sách tỉnh: 1.017 tỷ đồng;

+ Vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài: 936 tỷ đồng;

+ Vốn xã hội hóa, hợp tác công - tư, vốn khác...: 3.678 tỷ đồng.

*(Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm)*

### **4. Điều chỉnh một số chỉ tiêu y tế chủ yếu đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030**

#### **5. Lộ trình tổ chức thực hiện**

##### **5.1. Giai đoạn từ nay đến năm 2020:**

- Giải thể Chi cục Dân số - KHHGD và thành lập 01 phòng chuyên môn mới có chức năng, nhiệm vụ của chi cục này thuộc Sở Y tế.

- Giải thể phòng Quản lý hành nghề Y Dược tư nhân và bổ sung chức năng, nhiệm vụ quản lý y dược tư nhân cho phòng Nghiệp vụ Y và phòng Nghiệp vụ Dược thuộc Sở Y tế.

- Tổ chức sáp nhập Trung tâm Dân số - KHHGD cấp huyện về Trung tâm y tế cấp huyện quản lý.

- Thành lập mới Trung tâm Kiểm soát bệnh, tật tỉnh (CDC).

- Hoàn thành xây dựng Phòng Kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm.

- Triển khai thực hiện Dự án Nâng cấp và mở rộng quy mô Bệnh viện đa khoa tỉnh lên hạng I.

- Thành lập mới Trung tâm Cấp cứu 115.

- Hoàn chỉnh hệ thống quản lý thông tin khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện và xã bằng phần mềm trực tuyến trên mạng internet.

- Hoàn thành đầu tư hệ thống hỗ trợ chẩn đoán và điều trị từ xa (Tele-Medicine) tại Bệnh viện đa khoa tỉnh và Bệnh viện Sản Nhi và các đơn vị y tế khác có đủ điều kiện.

- Triển khai các dự án đầu tư cho y tế cơ sở và các dự án ưu tiên khác của ngành từ nguồn vốn EU, ADB, ODA, vay ưu đãi nước ngoài và các nguồn vốn hợp pháp khác.

##### **5.2. Giai đoạn từ năm 2021 - 2030:**

- Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án Nâng cấp và mở rộng quy mô Bệnh viện đa khoa tỉnh lên hạng I.

- Triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Sản Nhi.

- Đầu tư xây dựng Bệnh viện Quân - Dân y.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy và bổ sung nhiệm vụ cho Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm để hình thành Trung tâm kiểm soát dược phẩm và thực phẩm, thiết bị y tế.

- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư, mở rộng các cơ sở y tế công lập và các dự án khác theo quy hoạch.

- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư cho y tế cơ sở và các dự án ưu tiên khác của ngành từ nguồn vốn EU, ADB, ODA, vay ưu đãi nước ngoài và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Triển khai mạnh mẽ xã hội hóa trong đầu tư, nâng cấp các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh để nâng cao chất lượng khám và điều trị bệnh.

#### **IV. Các giải pháp thực hiện**

Điều chỉnh Quy hoạch gồm 08 nhóm giải pháp: (1) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận tổ quốc tỉnh, các đoàn thể chính trị-xã hội và toàn xã hội trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; (2) Giải pháp về nâng cao sức khỏe nhân dân; (3) Giải pháp nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở; (4) Giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục căn bản tình trạng quá tải bệnh viện; (5) Giải pháp Đẩy mạnh phát triển ngành dược và thiết bị y tế; (6) Giải pháp phát triển nhân lực và khoa học - công nghệ y tế; (7) Giải pháp đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế; (8) Giải pháp đổi mới mạnh mẽ tài chính y tế; (9) Giải pháp hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Tấn Việt**

**PHỤ LỤC 01**  
**DỰ BÁO NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG NGÀNH Y TẾ**  
**ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô giường bệnh			Tổng vốn đầu tư (ĐVT: tỷ đồng)		Cơ cấu vốn đầu tư (ĐVT: tỷ đồng)				Ghi chú
			2017	2020	2030	GĐ đến 2020	Giai đoạn 2021 - 2030	NSTW	NSDP	ODA	DN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>TỔNG VỐN ĐẦU TƯ</b>					<b>1.166</b>	<b>4.743</b>	<b>278</b>	<b>1.017</b>	<b>936</b>	<b>3.678</b>	
<b>A</b>	<b>HỆ THỐNG CÁC CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ</b>					<b>600</b>	<b>4.281</b>	<b>190</b>	<b>932</b>	<b>436</b>	<b>3.323</b>	
<b>I</b>	<b>TUYẾN TỈNH</b>					<b>600</b>	<b>1.928</b>	<b>190</b>	<b>160</b>	<b>436</b>	<b>1.742</b>	
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên	TP Tuy Hoà	500	800	1.000	200	430				630	Nâng cấp thêm 500 GB
2	Bệnh viện Y học cổ truyền Phú Yên	TP Tuy Hoà	150	250	300	100	111				211	Nâng cấp thêm 150 GB
3	Bệnh viện PHCN Phú Yên	TP Tuy hòa	130	200	300		281	145			136	Nâng cấp thêm 200 GB
4	Bệnh viện Mắt	TP Tuy hòa	50	100			73				73	
5	Bệnh viện Sản - Nhi Phú Yên	TP Tuy Hoà	300	400	500	300	379				679	Đầu tư mới 500 GB
6	Bệnh viện Phong và Da liễu	TP. Tuy Hoà			100		73	45	15		13	Nâng cấp từ TT Da liễu
7	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Bình kiến - TP Tuy Hòa			150		218			218		Đơn vị mới
8	Bệnh viện Tâm thần	Bình kiến - TP Tuy Hòa			150		218			218		Đơn vị mới
9	Bệnh viện Quân - Dân y	TPTH			100		145		145			Đơn vị mới
<b>II</b>	<b>TUYẾN HUYỆN</b>					<b>0</b>	<b>2.339</b>	<b>0</b>	<b>146</b>	<b>0</b>	<b>2.193</b>	
1	Trung tâm y tế TP. Tuy Hòa	Tp Tuy Hoà	50	100	150		145		73		72	Đã đầu tư 50 giường, nâng cấp thêm 100 giường

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô giường bệnh			Tổng vốn đầu tư (ĐVT: tỷ đồng)		Cơ cấu vốn đầu tư (ĐVT: tỷ đồng)				Ghi chú
			2017	2020	2030	GĐ đến 2020	Giai đoạn 2021 - 2030	NSTW	NSDP	ODA	DN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Trung tâm y tế huyện Tuy An	Tuy An	120	200	300		211		73		138	Đã đầu tư 150 giường, nâng cấp thêm 150 giường
3	Trung tâm y tế huyện Sơn Hòa	Sơn Hòa	130	200	300		310				310	Đã đầu tư 80 giường, nâng cấp thêm 220 giường
4	Trung tâm y tế huyện Sông Hinh	Sông Hinh	50	100	150		145		73		72	Đã đầu tư 50 giường, nâng cấp thêm 100 giường
5	Trung tâm y tế huyện Đồng Xuân	Đồng Xuân	90	200	300		323		189		134	Đã đầu tư 70 giường, nâng cấp thêm 230 giường
6	Trung tâm y tế huyện Phú Hoà	Phú Hoà	50	100	150		145		73		72	Đã đầu tư 50 giường, nâng cấp thêm 100 giường
7	Trung tâm y tế huyện Đông Hoà (cơ sở mới tại TT Hòa Vinh)	TT Hòa Vinh		100	300		436				436	Cơ sở 2 tại TT Hòa Vinh
8	Trung tâm y tế huyện Tây Hoà	Tây Hoà	120	200	300		281				281	Đã đầu tư 100 giường, nâng cấp thêm 200 giường
9	Trung tâm y tế thị xã Sông Cầu	Sông Cầu	155	200	250		211		145		66	Đã đầu tư 100 giường, nâng cấp thêm 150 giường
	Xây dựng cơ sở 2 tại Xuân Bình				50		73		73			Đơn vị mới
10	Trung tâm Y tế huyện Vân Hoà	Sơn Long			50		73		73			Đơn vị mới
<b>III</b>	<b>TRẠM Y TẾ XÃ,</b>					<b>160</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>160</b>		

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô giường bệnh			Tổng vốn đầu tư (ĐVT: tỷ đồng)		Cơ cấu vốn đầu tư (ĐVT: tỷ đồng)				Ghi chú
			2017	2020	2030	GD đến 2020	Giai đoạn 2021 - 2030	NSTW	NSDP	ODA	DN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>PHƯỜNG, THỊ TRẤN</b>											
	Trạm y tế xã, phường, thị trấn (trạm) trong số 112 trạm có 41 trạm đã xây dựng đạt chuẩn còn 71 trạm cần xây dựng	Toàn tỉnh				160				160		
<b>B</b>	<b>HỆ THỐNG CÁC CƠ SỞ DỰ PHÒNG</b>					<b>55</b>	<b>34</b>	<b>0</b>	<b>85</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	
<b>I</b>	<b>TUYẾN TÍNH</b>					<b>55</b>	<b>34</b>	<b>0</b>	<b>85</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên	Tp Tuy Hoà				30			30			Đơn vị mới
2	Trung Tâm kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm	P.Lâm -Tuy Hoà				25			25			QĐ 2616/QĐ-UBND
3	Trung tâm Giám định y khoa	F9-TP Tuy Hoà					10		10			
4	Trung tâm Pháp y	F9-TP Tuy Hoà					10		10			
5	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	F9-TP Tuy Hoà					10		10			
6	Trung tâm Cấp cứu 115	Tuy Hoà					4				4	Đơn vị mới
<b>C</b>	<b>ĐÀO TẠO</b>						<b>340</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>340</b>		
1	Trường Cao đẳng y tế	F6-TP Tuy Hoà	2000 (học viên)	4000 (học viên)			277			277		
2	Nhà ở cho sinh viên Trường Cao đẳng y tế	F6-TP Tuy Hoà	2000 (học viên)	4000 (học viên)			63			63		
<b>D</b>	<b>CƠ SỞ Y TẾ TƯ NHÂN</b>					<b>351</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>351</b>	
1	Bệnh viện đa khoa Quốc tế – Phú Yên	Tp Tuy Hoà		250		351					351	Vốn Doanh nghiệp
<b>E</b>	<b>BỆNH VIỆN NGÀNH</b>					<b>0</b>	<b>88</b>	<b>88</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Bệnh xá Quân đội	Tp Tuy Hoà	20	50			44	44				
2	Bệnh viện Công an	Tp Tuy Hoà	20	50			44	44				

**Ghi chú:** Suất vốn đầu tư tính theo Quyết định số 706/QĐ-BXD, ngày 30/6/2017 của Bộ Xây dựng công bố Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2016

**PHỤ LỤC 02**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐỂ THÀNH LẬP ĐƠN VỊ MỚI**  
(sắp xếp theo thứ tự ưu tiên đầu tư)

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô giường bệnh			Tổng vốn đầu tư (ĐVT: tỷ đồng)		Cơ cấu vốn đầu tư (ĐVT: tỷ đồng)				Ghi chú
			2017	2020	2030	2020	2021-2030	NSTW	NSDP	ODA	DN	
1	2	3	4	5		6	7	8	9	10	11	12
	<b>Tổng cộng:</b>			<b>100</b>	<b>900</b>	<b>215</b>	<b>1.240</b>	<b>45</b>	<b>361</b>	<b>596</b>	<b>453</b>	
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên	TP Tuy Hòa				30			30			
2	Trung tâm Cấp cứu 115	Tp Tuy Hòa					4				4	
3	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm	Phú Lâm, TP Tuy Hòa				25			25			
4	Trạm y tế xã, phường, thị trấn (71 trạm)	Toàn tỉnh				160				160		
5	Bệnh viện Phong và Da liễu	TP Tuy Hòa			100		73	45	15		13	
6	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Bình Kiến, TP Tuy Hòa			150		218			218		
7	Bệnh viện Tâm thần	Bình Kiến, TP Tuy Hòa			150		218			218		
8	Bệnh viện Quân Dân - Y	TP Tuy Hòa			100		145		145			
9	Xây dựng cơ sở 2 tại Xuân Bình- TTYT Thị xã Sông Cầu	Xuân Bình			50		73		73			
10	Trung tâm Y tế huyện Đông Hòa (cơ sở 2)	TT Hòa Vinh		100	300		436				436	
11	Trung tâm Y tế huyện Vân Hòa	Sơn Long			50		73		73			

**PHỤ LỤC 03**  
**DANH MỤC DỰ ÁN DỪNG ĐỂ KÊU GỌI XÃ HỘI HÓA VÀ ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**

## THEO TỪNG GIAI ĐOẠN CỦA QUY HOẠCH

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô giường bệnh			Tổng vốn đầu tư (ĐVT: tỷ đồng)	Ghi chú
			2017	2020	2030		
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>1.250</b>	<b>2.000</b>	<b>2.800</b>	<b>2.623</b>	
1	Bệnh viện Sản – Nhi Phú Yên	TP Tuy Hoà	300	400	500	679	
2	Trung tâm Cấp cứu 115	Tp Tuy Hoà				04	
3	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên	TP Tuy Hoà	500	800	1.000	630	
4	Bệnh viện Y học cổ truyền Phú Yên	TP Tuy Hoà	150	250	300	211	
5	Bệnh viện Mắt	TP Tuy hòa	50	50	100	73	
6	Trung tâm y tế huyện Sơn Hòa	Sơn Hòa	130	200	300	310	
7	Trung tâm y tế huyện Tây Hoà	Tây Hòa	120	200	300	281	
8	Trung tâm y tế huyện Đông Hoà (cơ sở mới tại TT Hòa Vinh)	Đông Hòa		100	300	436	